TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/DS-PT
Ngày: 19-01-2024
V/v tranh chấp: "Quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1023/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Văn C, sinh năm 1931 (chết ngày 07/5/2019);

Địa chỉ: số E ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn C:

1.1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1960

Địa chỉ: số C ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Lê Văn Hữu H, sinh năm 1955 – là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 24/05/2019) (có mặt);

Địa chỉ: số A Đ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm 1953 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.3. Bà Nguyễn Thu H2, sinh năm 1961 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số A ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.4. Bà Nguyễn Hồng X, sinh năm 1973 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.5. Bà Nguyễn Hồng X1, sinh năm 1975 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.6. Bà Nguyễn Thu V, sinh năm 1976 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số E ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.7. Bà Nguyễn Thu H3, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.8. Bà Nguyễn Thu L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người giám hộ của bà L: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số C ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: số B ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957 (chết ngày 10/03/2021);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Đ:

2.2.1. Chị Nguyễn Kim X2, sinh năm 1976 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2.2. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2.3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2.4. Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số A ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.2.5. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2.2.6. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2.7 Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.3. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Hồ Thị T1 và bà Nguyễn Thị M1: Chị Nguyễn Thị Hương T2, sinh năm 1982 – là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05/06/2019) (có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số C ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Anh T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn C – ông Nguyễn Anh T, có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn Hữu H trình bày:

Nguyên vào khoảng năm 1980, Ủy ban nhân dân huyện C có chủ trương đưa đất ruộng của dân vào Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Năm 1984, gia đình cụ Nguyễn Văn C có đưa 30.000m^2 đất ruộng vào Hợp tác xã S.

Khi có chủ trương của Chính phủ trả lại đất cho chủ sở hữu trực canh thì năm 1987 Hợp tác xã giải thể. Ủy ban nhân dân xã S trả lại cho cụ C 21.000m^2 đất ruộng nhưng Ủy ban nhân dân xã S cho rằng ông C còn thiếu nợ thuế Nhà nước nên đã tạm giữ lại của cụ 6.000m^2 đất ruộng.

Ngày 10/4/1990, Ủy ban nhân dân xã S thực hiện theo Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 30/6/1989 và Luật Đất đai 1987 nên Ủy ban nhân dân xã S có Quyết định số 184/QĐ-UB tạm giao quyền sử dụng đất ruộng cho cụ C là 21.000m^2 trong đó có 6.000m^2 đất ruộng đã tạm giữ của cụ C vào năm 1987. Nhưng lúc bấy giờ có hộ của bà Hồ Thị T1 và hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 là hai hộ nghèo không có đất canh tác, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu cụ C cho Ủy ban nhân dân xã M lại 2.000m^2 đất ruộng cho hai hộ này, mỗi hộ mượn 1.000m^2 để canh tác, cụ C đồng ý cho mượn với điều kiện hai hộ này không được giao đất cho người khác sử dụng.

Nay hai hộ này đã không còn khó khăn nữa, không còn canh tác trên đất của cụ C mà 2.000m^2 đất của cụ C đã cho ông Lê Văn N1 thuê trồng bắp.

Năm 2017, hai hộ này thuê người đo đạc và tiến hành hợp thức hóa thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi cụ C phát hiện đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M ngừng giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai hộ này để chờ giải quyết tranh chấp.

Theo đề án mở rộng địa giới hành chính thành phố M nên hiện tại diện tích đất tranh chấp nằm trên địa phận Ủy ban nhân dân xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Nay cụ Nguyễn Văn C yêu cầu bà Hồ Thị T1 phải trả lại 1.000m^2 đất ruộng nằm trong Quyết định số 184/QĐ-UB ngày 10/4/1990 mà Ủy ban nhân dân xã S, huyện C đã giao quyền cho cụ C sử dụng, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 trả lại 1.000m^2 đất ruộng nằm trong Quyết định số 184/QĐ-UB ngày 10/4/1990 mà Ủy ban nhân dân xã S, huyện C đã giao quyền cho cụ C sử dụng, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn bà Hồ Thị T1, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M1, cùng ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hương T2 trình bày:

Trước đây cụ Nguyễn Văn C đã giao đất cho Ủy ban nhân dân xã S. Sau đó, Ủy ban nhân dân xã S đã giao lại cho hộ bà Hồ Thị T1 và hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 mỗi hộ canh tác 2.000m^2 đất từ năm 1987. Năm 1991 thì Ủy ban nhân dân xã S thu hồi lại của mỗi hộ 1.000m^2 đất còn 1.000m^2 đất thì hai hộ này vẫn canh tác cho đến nay, có giấy xác nhận giao đất nhưng khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017 thì hai hộ này đã làm thất lạc. Vào năm 1991 Ủy ban nhân dân xã S đã giao đất cho 04 hộ nghèo gồm hộ của bà Hồ Thị T1, hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1, hộ ông T3 và hộ ông G.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn hộ bà Hồ Thị T1, hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 không có đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2017 mới đi làm nhưng do cụ C tranh chấp tại Ủy ban nhân dân xã nên hai hộ này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất tranh chấp hiện tại hộ bà Hồ Thị T1, hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 đã cho ông Lê Văn N1 thuê trồng bắp vì diện tích đất nhỏ không canh tác được. Trên đất tranh chấp không có xây dựng công trình gì.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn C thì bà Hồ Thị T1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 không đồng ý trả lại đất cho cụ C vì Ủy ban nhân dân xã S đã giao đất cho hộ bà Hồ Thị T1 (chồng là ông Nguyễn Văn L2), hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M1 vào năm 1987 do hai hộ này là hộ nghèo có hoàn cảnh rất khó khăn. Trong thời gian canh tác có đóng thuế nông nghiệp đến năm 1991 thì được miễn thuế. Do ông Nguyễn Văn Đ bệnh chết

ngày 10/03/2021 nên có đưa các con ruột của ông Đ, bà M1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng.

Cụ Nguyễn Văn C yêu cầu hộ bà Hồ Thị T1, hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M1 trả lại đất thì bà Hồ Thị T1 và bà Nguyễn Thị M1 không đồng ý vì hộ bà Hồ Thị T1, hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 không có mượn đất và không có canh tác bất cứ phần đất nào của phía cụ C trong khi đó đất của hộ cụ C được Nhà nước giao lại đất canh tác khoảng 40.000m^2 (khoảng 04 mẫu đất). Còn hộ của bà T1 và hộ ông Đ, bà M1 được Nhà nước giao đất canh tác mỗi hộ 01 công đất (1.000m^2) từ năm 1987 cho đến nay trên cơ sở hộ khó khăn đất nhường cơm xẻ áo, hộ bà Hồ Thị T1 và hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 không có mượn đất của cụ Nguyễn Văn C hay ngang nhiên sử dụng đất của cụ C. Do hiện nay phần 02 thửa đất này có vị trí giáp đường đi có giá nên cụ C khởi kiện đòi lại chứ tại thời điểm năm 1987 là đất thuộc vị trí vùng sâu, vùng xa đất cằn cỗi không có nước canh tác.

Tại Biên bản hoà giải ngày 01/8/2023, chị Nguyễn Thị H4 T2 là đại diện theo uỷ quyền của bà Hồ Thị T1 đồng ý hỗ trợ cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn C số tiền 25.000.000 đồng.

Tại Biên bản hoà giải ngày 01/8/2023, chị Nguyễn Thị H4 T2 là đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị M1 đồng ý hỗ trợ cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn C số tiền 25.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 160, Điều 161, khoản 1 Điều 163, Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 96, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn C – người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bà Hồ Thị T1 phải trả lại diện tích 1.000m^2 đất ruộng tại ấp M, xã M, thành phố M (mà cụ C cho rằng nằm trong Quyết định số 184/QĐ-UB ngày 20/4/1990 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C đã giao quyền cho cụ C sử dụng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn C – người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 phải trả lại diện tích 1.000m^2 đất ruộng tại ấp M, xã

M, thành phố M (mà cụ C cho rằng nằm trong Quyết định số 184/QĐ-UB ngày 20/4/1990 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C đã giao quyền cho cụ C sử dụng).

(Có Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 15/08/2019 của Công ty TNHH T6 kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/9/2023, ông Nguyễn Anh T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Ông Nguyễn Anh T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng khác của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa chính xác, phải xác định là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất. ông Đ chết cần bổ sung bà M1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ. Ông Đ và bà T1 sử dụng phần diện tích đất tranh chấp từ năm 1987 cho đến nay là do được nhà nước giao. Khi ông C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đ và bà T1 có ký giáp ranh, không có tranh chấp, không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất 21.000 m^2 của ông C. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc tranh chấp dân sự là " Đòi quyền sử dụng đất",

án sơ thẩm xác định tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa chính xác. Bị đơn bà Hồ Thị T1 cư trú tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Bị đơn bà Nguyễn Thị M1 cư trú tại ấp B, xã S, huyện C tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C gồm: Bà Nguyễn Thu H1, bà Nguyễn Thu H2, bà Nguyễn Hồng X, bà Nguyễn Hồng X1, bà Nguyễn Thu V, bà Nguyễn Thu H3 và bà Nguyễn Thu L – Giám hộ là ông Nguyễn Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thu H1, bà Nguyễn Thu H2, bà Nguyễn Hồng X, bà Nguyễn Hồng X1, bà Nguyễn Thu V, bà Nguyễn Thu H3 và bà Nguyễn Thu L – Giám hộ là ông Nguyễn Anh T.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ gồm: Chị Nguyễn Kim X2, chị Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị V1, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Giàu c đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Kim X2, chị Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị V1, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn G.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn N1.

[3] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Anh T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Ngày 07/9/2023, ông Nguyễn Anh T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Anh T:

Ông Nguyễn Anh T – Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị T1 phải trả lại diện tích 1.000 m^2 đất ruộng tại ấp M, xã M, thành phố M trong Quyết định số 184/QĐ-UB ngày 20/4/1990 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C đã giao quyền cho ông Nguyễn Văn C sử dụng. Yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 trả lại diện tích 1.000 m^2 đất ruộng tại ấp M, xã M, thành phố M trong Quyết định số

184/QĐ-UB ngày 20/4/1990 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C đã giao quyền cho ông Nguyễn Văn C sử dụng.

Tại Quyết định số 184/QĐ – UB ngày 20/04/1990 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (bút lục số 05) có nội dung cụ thể như sau: "Điều I: Tạm thời giao quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C ở ấp B B với diện tích 21.000 m^2 bao gồm một thửa thuộc ấp B B địa giới cụ thể như sau: Thửa một:

- Phía Đông giáp xã T;
- Phía Tây giáp: nt.
- Phía Nam giáp: Tám Rẩy.
- Phía Bắc giáp: Tư Ưng.

Điều II: Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm sử dụng đất khoán đúng vị trí, diện tích, mục đích và hoàn thành tốt nghĩa vụ với nhà nước…''

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay thì Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Anh T – là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C đã khẳng định diện tích 6.000 m^2 đất bị Ủy ban nhân dân xã S giữ lại do nợ thuế nhà nước và cho đến năm 1990 được Ủy ban nhân dân xã S trả lại 21.000 m^2 đất ruộng theo Quyết định số 184/QĐ – UB thì trong 21.000 m^2 đất đó có diện tích 6.000 m^2 đất bị giữ lại do nợ thuế nhà nước nhưng chỉ trả lại ông C 4.000 m^2 đất còn 2.000 m^2 đất thì chưa trả cho ông C.

Căn cứ vào các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00613 QSDĐ/1230/QĐ.UB (06/8/2004) do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 30/09/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn C (bút lục số 21 – 22), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00612 QSDĐ/1230/QĐ-UB (06/8/2004) cho hộ ông Nguyễn Văn C (bút lục số 215), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00611 QSDĐ/1230/QĐ.UB (06/8/2004) do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 30/09/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn C (bút lục số 269 – 270), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00610 QSDĐ/1230/QĐ.UB (06/8/2004) do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 30/09/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn C (bút lục số 271 - 272) tại thời điểm năm 2004 thì hộ ông C được cấp giấy chứng nhận đứng tên các thửa đất như đã nêu có tổng diện tích là 38.461,9 m^2 tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Hồ sơ trích lục ở Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M thì thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27 tại ấp M, xã M có diện tích 13.280,8 m^2 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C thì ông Nguyễn Văn C có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 27, tờ bản đồ số 03 ngày 07/11/2001 và được Ủy ban nhân dân xã M xác nhận ngày 26/05/2004 (bút lục số 224). Tại Biên bản xác định ranh

giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 20/09/2000 (bút lục số 223) thể hiện phần ký xác nhận các chủ sử dụng đất tiếp giáp thì bà Nguyễn Thị M1 có ký tên xác nhận chủ sử dụng đất tiếp giáp, đồng thời hộ ông Nguyễn Văn L2 (Tám Luyến) có ký tên xác nhận chủ sử dụng đất tiếp giáp tại Biên bản do Đoàn công tác đã tiến hành khảo sát, xác định ranh giới thửa đất ở thực địa của ông Nguyễn Văn C vào ngày 20/09/2000.

Tại Sổ mục kê đất ngày 27/08/2004 (bút lục số 210 - 211) thể hiện tên Tám L3 là chủ sử dụng đất diện tích 1.035,0 m^2 tại ấp M, xã M, TP M vào năm 2004 nay thuộc thửa đất số 25 có diện tích đo đạc thực tế là 957,1 m^2 theo Xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 15/08/2019 của Công ty TNHH T6 (bút lục số 196). Đồng thời, tại Sổ mục kê đất ngày 27/08/2004 thể hiện tên Nguyễn Thị M1 là chủ sử dụng đất diện tích 1.048,3 m^2 tại ấp M, xã M, TP M vào năm 2004 nay thuộc thửa đất số 29 có diện tích đo đạc thực tế là 1.000 m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 15/08/2019 của Công ty TNHH T6 (bút lục số 196).

Tại Công văn số 226/CV - UBND ngày 16/09/2019 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C cho biết: "Trước 1987 ông Nguyễn Văn C có nợ thuế nông nghiệp xã không có khả năng nộp thuế nên giao cho Ủy ban nhân dân xã S diện tích đất 6.000 m^2. Khoản năm 1987, Ủy ban nhân dân xã G lại cho 03 hộ là Phạm Văn T4 diện tích 2.000 m^2, ông Nguyễn Văn L4 (chồng bà Hồ Thị T1) diện tích 2.000 m^2 và hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 diện tích 2.000 m^2. Đến năm 1990 thực hiện theo công văn số 30 của Ủy ban nhân dân huyện C, Ủy ban nhân dân xã T giao lại cho ông Nguyễn Văn C diện tích đất 4.000 m^2 trong đó ông Phạm Phú T5 giao diện tích 2.000 m^2, hộ ông Nguyễn Văn L4 (chồng bà Hồ Thị T1) giao diện tích 1.000 m^2 và hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 giao diện tích 1.000 m^2 còn lại ông Nguyễn Văn L4 (chồng bà Hồ Thị T1) diện tích 1.000 m^2 và hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 diện tích 1.000 m^2 canh tác và bàn giao theo công văn 364 của Trung ương về phân ranh địa giới hành chính cho xã M đến nay" (bút lục số 199). Thời điểm này Ủy ban xã chỉ giao lại cho ông C 4.000m^2, ông C hoàn toàn không khiếu nại hay tranh chấp gì về việc Ủy ban xã S chỉ giao lại cho ông 4.000m^2.

Tại Biên bản xác minh ngày 03/6/2021, đại diện Ủy ban nhân dân xã S cho biết: Hộ ông Nguyễn Văn L2, bà Hồ Thị T1 và hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 đã canh tác diện tích đất 1.000 m^2 từ năm 1987 do Ủy ban nhân dân xã S giao khoán từ năm 1987, trước thời điểm Ủy ban có quyết định số 184/QĐ – UB ngày 20/04/1990 giao đất cho ông C. hộ ông L2, ông Đ sử dụng

liên tục từ năm 1987 cho đến thời điểm Ủy ban nhân dân xã S bàn giao địa giới hành chính cho Ủy ban nhân dân xã M theo Công văn số 364. Trong thời gian canh tác hai hộ nay đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân sử dụng đất.

Cho thấy, hộ bà Hồ Thị T1 và hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 đã được nhà nước giao đất và sử dụng đất liên tục từ năm 1987 đến nay, quá trình sử dụng hộ bà Hồ Thị T1 và hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 đã có đăng ký kê khai theo sổ mục kê. Quá trình sử dụng đất từ năm 1987 cho đến khi ông Nguyễn Văn C thực hiện các thủ tục xin cấp quyền sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27 có diện tích 13.280,8 m^2 thì giữa ông Nguyễn Văn C và các bên gồm hộ bà Hồ Thị T1, hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 không có phát sinh tranh chấp mà bà Nguyễn Thị M1 còn ký tên xác nhận của chủ sử dụng đất tiếp giáp, đồng thời hộ ông Nguyễn Văn L2 (Tám Luyến) có ký tên xác nhận chủ sử dụng đất tiếp giáp tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 20/09/2000 ở bút lục số 223 như đã nêu trên thì hộ ông Nguyễn Văn C mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00613 QSDĐ/1230/QĐ.UB (06/8/2004) ngày 30/09/2004 (bút lục số 21 – 22).

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993:

"1. Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. *Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N2 dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam."*

Và Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai thì:*"Đất đã chia cho người khác khi hưởng ứng cuộc vận động san sẻ bớt một phần ruộng đất để chia cho người không có ruộng và thiếu ruộng tại miền N sau ngày giải phóng."*

Đồng thời theo quy định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993: *"Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó.".*

Từ những phân tích trên, xét thấy ông Nguyễn Văn C – Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 phải trả lại diện tích 1.000 m^2 đất ruộng tại ấp M, xã M, thành phố M mà ông C cho rằng nằm trong Quyết định số 184/QĐ-UB ngày 20/4/1990 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C đã giao quyền cho ông C sử dụng 21.000 m^2

đất ruộng tại ấp M, xã M, thành phố M là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Anh T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

[6] Trong giai đoạn Tòa án nghị án ngày 18/01/2024 người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo ông Nguyễn Anh T có đơn đề nghị Tòa án tạm ngừng tuyên án. Việc yêu cầu tạm ngừng tuyên án là không căn cứ, không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và lý do tạm ngừng là để thu thập làm rõ tứ cận các thửa đất thời điểm được ủy ban giao, nguồn gốc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27 có phải nằm trong thửa 1034 hay không. Yêu cầu này là không cần thiết vì đã được án sơ thẩm thu thập đầy đủ và thửa 1034 không thể hiện tên người đăng ký là của ông C. Do đó hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng tuyên án của người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo ông Nguyễn Anh T.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: ông T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn sứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Anh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 160, Điều 161, Khoản 1 Điều 163, Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 96, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C – Người kế

thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bà Hồ Thị T1 phải trả lại diện tích 1.000 m^2 đất ruộng tại ấp M, xã M, thành phố M (mà ông C cho rằng nằm trong Quyết định số 184/QĐ-UB ngày 20/4/1990 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C đã giao quyền cho ông C sử dụng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1 phải trả lại diện tích 1.000 m^2 đất ruộng tại ấp M, xã M, thành phố M (mà ông C cho rằng nằm trong Quyết định số 184/QĐ-UB ngày 20/4/1990 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C đã giao quyền cho ông C sử dụng).

(Có Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 15/08/2019 của Công ty TNHH T6 kèm theo)

3. Về án phí: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024243 ngày 14/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 19 tháng 01 năm 2024, có mặt ông Lê Văn Hữu H, chị Nguyễn Thị Hương T2, đại điện Viện kiểm sát.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho;
- CCTHADS thành phố Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền